

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2018/HSST
Ngày: 13-8-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH SƠN LA**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quảng Văn Tiễn - Trưởng phòng Tư Pháp huyện S; ông Quảng Đình Khải - Phó bí thư huyện Đoàn huyện S.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung, thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 100/2018/HSST ngày 28 tháng 5 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2018/HSST-QĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo sau đây:

1. *Họ và tên:* Tòng Ngọc Đ, sinh ngày 16/9/2000; nơi ĐKKHKT: Bản S, xã Mường S, huyện S, tỉnh Sơn La; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; Chức vụ, đảng, đoàn thể: Không; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hóa: 11/12; BỐ: Không xác định; con bà: Tòng Thị O; vợ con: Chưa có; tiền án; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/3/2018 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Họ và tên:* Lò Văn K, sinh ngày 11/8/1999; nơi ĐKKHKT: Bản Púng C, xã Mường S, huyện S, tỉnh Sơn La; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; Chức vụ, đảng, đoàn thể: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; con ông: Lò Văn K; con bà: Lò Thị L; vợ con: Chưa có; tiền án; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/3/2018 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3. *Họ và tên:* Lò Văn M, sinh ngày 01/9/1999; nơi ĐKKHKT: Bản Tân H, xã Mường S, huyện S, tỉnh Sơn La; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; Chức vụ, đảng, đoàn thể: Không; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 07/12; con ông: Lò Văn H (đã chết); con bà: Lò Thị P; vợ con: Chưa có; tiền án; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/3/2018 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

** Người Đại diện hợp pháp của bị cáo Tòng Ngọc Đông: Bà Tòng Thị O, sinh năm 1974 (mẹ bị cáo). Trú tại: Bản S, xã Mường S, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt.*

** Bào chữa cho bị cáo Tòng Ngọc Đông: ông Lò Văn D – Luật sư thuộc đoàn luật sư tỉnh Sơn La. Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 02 giờ 20 ngày 10/3/2018, Tổ công tác Đoàn biên phòng cửa khẩu C làm nhiệm vụ tại bản H, xã Chiềng K, huyện S phát hiện bắt quả tang tại phòng hát số 03 quán Karaoke Thanh Huyền đối tượng Lò Văn M có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy. Thu tại khe ghế tại vị trí ngồi của M 01 gói nilon màu hồng bên trong chứa 03 viên nén màu hồng, theo M khai nhận là Hồng phiến cùng với Lò Văn K và Tòng Ngọc Đ mua về để sử dụng chung. Ngoài ra còn tạm giữ của M 01 xe mô tô Yamaha Sirius BKS 26H8-9992; tạm giữ của Lò Văn K 01 xe mô tô Honda Wave a BKS 26B1-303.67 và 01 điện thoại di động Oppo; tạm giữ của Tòng Ngọc Đ 01 điện thoại di động Nokia 1280.

Ngày 13/3/2018, tại Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La đã tiến hành mở niêm phong, trích mẫu vật chứng giám định. Kết quả: Cân tịnh 03 viên nén màu hồng thu giữ của Lò Văn M khối lượng 0,29gam, đã trích toàn bộ làm mẫu giám định ký hiệu Đ1.

Tại kết luận giám định số 372 ngày 16/3/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: Mẫu gửi giám định ký hiệu Đ1 là chất ma túy; loại chất Methamphetamine; khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,29gam.

Quá trình điều tra xác định được như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 09/3/2018, các bị cáo cùng Lò Văn T SN 1996 và Lò Văn T1 SN 1998 đều ở bản Sai, Mường Sai, Sông Mã cùng ngồi chơi, nói chuyện trước cửa quán game thuộc bản S, Mường S, huyện S. Tại đây, K rủ mọi người đi hát Karaoke và được cả nhóm đồng ý. Khi đi Đ, T, K đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α BKS 26B1- 303.67 của gia đình K còn M và T1 đi xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 26H8 - 9992 của gia đình M đến quán hát Đoàn Tho ở bản C, xã C, huyện S thì thấy quán hát đã đóng cửa. Lúc này Đ đi ra nói chuyện riêng với K về việc mua Hồng phiến mang về quán hát sử dụng, K đồng ý rồi lấy số tiền 200.000VNĐ ra đưa cho Đ. Đ nhận lấy tiền rồi lấy xe mô tô BKS 26B1- 303.67 của K, rủ M cùng đi mua Hồng phiến và M đồng ý. Còn K, T, T1 đi xe mô tô BKS 26H8 - 9992 của M lên quán hát Karaoke Thanh Huyền của chị Nguyễn Thị H ở bản H, xã C, huyện S Mã để đợi. Đ và M điều khiển xe đi đến khu vực giữa bản P, xã C, huyện S thì thấy một nhóm thanh niên đang ngồi ở bên lề đường, Đ dừng xe mô tô cách khoảng 30 mét thì bảo M xuống xe ngồi đợi, rồi một mình điều khiển xe mô tô đi đến nhóm thanh niên hỏi mua được 03 viên Hồng phiến của một người nam thanh niên không rõ tên, tuổi, địa

chỉ với giá 200.000VNĐ. Sau khi mua được ma túy Đ đi ra chỗ M rồi đưa gói ma túy cho Mòn cất giấu vào trong túi quần đang mặc, sau đó điều khiển xe chở M về quán hát chị H để cùng hát với T, K, T1. Đến nơi, Đ và M đi vào phòng hát số 3, sau đó Đ nói với K là đã mua được 03 viên Hồng phiến, K gọi Đ ra ngoài phòng hát đưa cho Đ 500.000VNĐ để Đ trả tiền hát trước cho chị H rồi tiếp tục vào hát cùng mọi người. Cả nhóm hát đến khoảng 02 giờ 20' ngày 10/3/2018 thì bị tổ công tác Đồn Biên phòng cửa khẩu C, huyện S làm nhiệm vụ phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng như đã nêu trên.

Cáo trạng số: 64/CT-VKSSM ngày 28 tháng 5 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện S truy tố Tòng Ngọc Đ, Lò Văn K, Lò Văn M về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Kiểm Sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Lò Văn K và Lò Văn M mỗi bị cáo từ 16 tháng đến 20 tháng tù. Áp dụng Điều 91, khoản 4 Điều 98 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Tòng Ngọc Đ 12 tháng đến 16 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo. Vật chứng chứng xử lý theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Lò Văn M, Lò Văn K nhất trí không có ý kiến gì tranh luận.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Tòng Ngọc Đ trình bày: Việc trừng trị người phạm tội là cần thiết để bảo vệ tính nghiêm minh của pháp luật, giữ vững an ninh trật tự xã hội. Song bị cáo Tòng Ngọc Đ là người dưới 18 tuổi phạm tội, tính đến thời điểm phạm tội mới 17 tuổi 5 tháng 25 ngày. Bị cáo phạm tội do bột phát, suy nghĩ bồng bột, hiểu biết pháp luật hạn chế. Việc xử lý người chưa thành niên phạm tội chủ yếu là nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội. Do đó, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự, đề nghị xử bị cáo ở mức án 09 - 12 tháng tù.

Bị cáo Tòng Ngọc Đ và người đại diện hợp pháp của bị cáo Đ không có ý kiến gì bổ sung với ý kiến của Luật sư, mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện, chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, bị cáo cùng các chứng cứ khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình; lời khai nhận hoàn toàn thống nhất với lời khai tại cơ quan Điều tra; phù hợp với nội dung, tội danh bản Cáo trạng; lời khai nhận cũng phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới, các bị cáo hoàn toàn nhất trí và không tranh luận với Kiểm sát viên, ý kiến cuối cùng đều xin được giảm nhẹ hình phạt.

[3] Do ham chơi đua đòi, các bị cáo đã bàn bạc rồi đi tìm mua ma túy về để cùng sử dụng thì bị bắt quả tang. Khối lượng ma túy là 0,29 gam Methamphetamine.

Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để kết luận các bị cáo: Tòng Ngọc Đ, Lò Văn K, Lò Văn M đã phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Như vậy, Khởi tố của cơ quan Điều tra và Truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm sự quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy; gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo đều tuổi đời còn trẻ, đang độ tuổi ăn học nhưng không chịu tu chí học hành mà ham chơi, đua đòi dẫn đến phạm tội. Vì vậy, cần thiết phải xử lý nghiêm khắc, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng; đều chưa có tiền án, tiền sự; tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ được pháp luật quy định, cần áp dụng cho bị cáo được hưởng.

[6] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo đều có vai trò ngang nhau, người khởi xướng, rủ rê; người giúp sức tích cực. Vì vậy, các bị cáo phải chịu mức hình phạt như nhau. Tuy nhiên, đối với bị cáo Tòng Ngọc Đ khi phạm tội mới 17 tuổi 5 tháng 25 ngày (*tức từ 16 đến dưới 18 tuổi*), do đó sẽ được xem xét áp dụng chương XII, về những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội của Bộ luật hình sự.

[7] Về ý kiến bào chữa, tranh luận của Luật sư và Kiểm sát viên đối với bị cáo Tòng Ngọc Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Kiểm sát viên và Luật sư ý kiến hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo Tòng Ngọc Đ bị mắc nghiện ma túy nên cần có mức án phù hợp và có thời gian cai bỏ ma túy. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm và mức án của Kiểm sát viên, nhằm để bị cáo Đ có thời gian cải tạo, giáo dục.

[8] Về số ma túy thu giữ được trong vụ án: Bị cáo Đ khai mua được của một đối tượng không xác định, nên cơ quan Điều tra không có căn cứ để mở rộng vụ án là phù hợp.

[9] Đối với Lò Văn T và Lò Văn T1 không được bàn bạc, đóng góp tiền mua ma túy cùng các bị cáo nên cơ quan Điều tra không đặt vấn đề xử lý, là phù hợp.

[10] Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 26H8-9992 tạm giữ của Lò Văn M là tài sản của bà Lò Thị P (*mẹ đẻ của M*) và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α BKS 26B1-303.67 đăng ký xe mang tên Lò Văn K tạm giữ của Lò Văn K là tài sản của ông K (*bố đẻ của K*). Các bị cáo tự ý lấy xe đi, bà P và ông K không biết nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Mã đã trả lại tài sản cho các chủ sở hữu hợp pháp là có căn cứ.

[11] Vật chứng vụ án còn lại: 01 phong bì bị cắt; 02 mảnh nilon là vật không còn giá trị sử dụng cần tịch thu để tiêu hủy. Đối với 02 chiếc điện thoại di động tạm giữ của bị cáo Đ và K không liên quan đến việc phạm tội, cần trả lại.

[12] Xét thấy các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có khả năng thi hành nên miễn hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) cho bị cáo.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Tòng Ngọc Đ, Lò Văn K, Lò Văn M phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lò Văn K và Lò Văn M mỗi bị cáo 16 (*Mười sáu*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày (10/3/2018).

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 91, khoản 4 Điều 98 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Tòng Ngọc Đ 12 (*Mười hai*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày (10/3/2018).

2. Vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu để tiêu hủy: 01 (*một*) phong bì thư do bưu điện Việt Nam phát hành. Mặt trước phong bì có ghi: “*Vật chứng vụ: Tòng Ngọc Đ SN 2000 chỗ ở: Bản S, xã Mường S, huyện S, tỉnh Sơn La. Hành vi cùng đồng phạm Tàng trữ trái phép chất ma túy bắt ngày 10/3/2018. Gồm 01 phong bì bị cắt, 01 mảnh Nilon màu hồng, 01 mảnh Nilon màu trắng*”. Mặt sau phong bì có ghi dòng chữ: “Cơ quan CSĐT- Công an huyện S, ngày 13/3/2018” và có đầy đủ chữ ký

của thành phần tham gia niêm phong cùng hai hình dấu đỏ của Cơ quan CSĐT – Công an huyện S trên mặt đoạn giấy trắng niêm phong.

- Trả lại cho bị cáo Lò Văn K: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng – trắng có số Imei 1: 865266033295776 số Imei 2: 865266033295768. Điện thoại có gắn 02 thẻ sim Viettel.

- Trả lại cho bị cáo Tòng Ngọc Đ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280, vỏ màu đen, đã bị mất ốp nhựa mặt sau và mặt trước, có số Imei: 351546006700684. Điện thoại có gắn 01 thẻ sim Viettel.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/4/2018 giữa Chi cục thi hành án dân sự - Công an huyện S, tỉnh Sơn La).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 21, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo 200.000 đồng.

Các bị cáo; luật sư; người đại diện hợp pháp của bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

-Toà án tỉnh;
-VKS huyện;
-Thi hành án hình sự;
-Thi hành án dân sự;
-Bị cáo;
-Sở tư pháp tỉnh;
-Lưu HS;
-Lưu VP.

Lường Văn Quyết